

DO HAI FONG

**БИБЛИОГРАФИЯ РАБОТ О ТВОРЧЕСТВЕ
ДОСТОЕВСКОГО ВО ВЬЕТНАМЕ (1971–2013 гг.)¹**

Исследования

1. *Hoài Anh*. Những điều tâm đắc khi đọc Dostoievski // Kỷ yếu Khoa học Ngữ văn ĐHSP Tp. HCM. Tp. Hồ Chí Minh, 1981. Tr. 51–59. (*Хоай Ань*. Удовольствие от чтения Достоевского // Сборник о Достоевском. Хо Ши Мин, 1981. С. 51–59.)

2. *Phạm Vĩnh Cư*. Con đường gian truân đi tìm chân lý của một nghệ sĩ vĩ đại // Văn học. 1981. N 5. Tr. 116–127. (*Фам Винь Кы*. Трудный путь великого художника к истине // Литературоведение. 1981. N 5. С. 116–127.)

3. *Phạm Vĩnh Cư*. Lời giới thiệu // Dostoievski F.M. Tội ác và trừng phạt. Hà Nội, 1982. Tr. 4–12. (*Фам Винь Кы*. Предисловие // Достоевский Ф. М. Преступление и наказание. Ханой, 1982. С. 4–12.)

4. *Phạm Vĩnh Cư*. Dostoievski — sự nghiệp và di sản // Văn học nước ngoài. 2001. N 6. Tr. 133–179. (*Фам Винь Кы*. Достоевский — творчество и наследие // Иностранная литература. 2001. N 6. С. 133–179.)

5. *Trương Đình Cử*. Về một tác phẩm của Dostoievski // Giai phẩm Văn. Sài Gòn, 1972. 14 Tháng 11. Tr. 40–43. (*Чыонг Динь Кы*. Об одном произведении Достоевского // Зай Фам Ван. Сайгон, 1972. 14 нояб. С. 40–43.)

6. *Trương Đình Cử*. Lời nói đầu // Dostoievski F.M. Tội ác và hình phạt. Sài Gòn, 1972. Tr. 5–22. (*Чыонг Динь Кы*. Предисловие // Преступление и наказание. Сайгон, 1972. С. 5–22.)

7. *Trương Đình Cử*. Tại sao tôi dịch Dostoievski? // Kỷ yếu Khoa học Ngữ văn ĐHSP Tp. HCM. Tp. Hồ Chí Minh, 1981. Tr. 30–37. (*Чыонг Динь Кы*. Отчего я переводил Достоевского? // Сборник о Достоевском. Хо Ши Мин, 1981. С. 30–37.)

8. *Nguyễn Nam Châu*. F.M. Dostoievski // Những nhà văn hóa mới. Sài Gòn: Đại học, 1971. Tr. 152–164. (*Нгуен Нам Чау*. Ф. М. Достоевский // Новые культурные люди. Сайгон: Изд-во Университета, 1971. С. 152–164.)

9. *Trịnh Chuyết*. Dostoievski // Từ điển danh nhân. Sài Gòn, 1964. Tr. 133–138. (*Чинь Чуэт*. Достоевский // Словарь знаменитых личностей. Сайгон, 1964. С. 133–138.)

¹ Работа выполнена при поддержке научного фонда «NAFOSTED Vietnam».

10. *Thạch Chương*. «Chỉ một lần thôi và chẳng bao giờ nữa» (Thay cho lời giới thiệu «Hồi ký viết dưới nhà hầm») // Văn. Sài Gòn, 1966. N 11. Tr. I–XI. (*Тхач Чыонг*. «Только один раз и никогда больше» (Вместо предисловия к «Запискам из подполья») // Ван. Сайгон, 1966. № 11. С. I–XI.)

11. *Thạch Chương*. Đọc sách mới: «Hồi ký viết dưới nhà hầm» // Văn. Sài Gòn, 1966. N 68. Tr. 127–130. (*Тхач Чыонг*. Читая новую книгу: «Записки из подполья» // Ван. Сайгон, 1966. № 68. С. 127–130.)

12. *Nguyễn Kim Định*. F.M. Dostoievski // Lịch sử văn học Nga. Hà Nội, 1990. T. 2. Phần 2. Tr. 3–61. (*Нгуен Ким Динь*. Ф. М. Достоевский // История русской литературы. Ханой, 1990. Т. 2. Ч. 2. С. 3–61.)

13. *Hoàng Kim Dân*. Xã hội không thượng đế // Sài Gòn, Quê hương. 1959. N 3. Tr. 27–35. (*Хоанг Ким Дан*. Мир без бога // Родина. 1959. № 3. С. 27–35.)

14. *Đỗ Đức Dục*. Stendal và Dostoievski — hai bậc thầy của tiểu thuyết tâm lý // Kỷ yếu Hội thảo khoa học ĐHKH Huế. Huế, 1988. Tr. 28–45. (*До Дык Зук*. Стендаль и Достоевский — два мастера психологического романа // Сборник о зарубежной литературе. Хьюз, 1988. С. 28–45.)

15. *Trần Thị Bông Giấy*. Từ «Người đàn ông dưới hầm» đến «Raskolnikov» trong tiểu thuyết Dostoievski // Giao điểm. 2004. N 10. (*Чан Тхи Бонг Зьяу*. От «человека из подполья» до «Раскольникова» в романах Достоевского // Зао Дием. 2004. № 10.)

16. *Lê Hồng Hà*. Bản ngã thứ hai, phương thức thể hiện nội tâm nhân vật của Dostoievski // Văn học nước ngoài. 2001. N 6. Tr. 180–188. (*Лэ Хонг Ха*. Двойничество — средство выражения внутреннего мира персонажей Достоевского // Иностранная литература. 2001. № 6. С. 180–188.)

17. *Nguyễn Hải Hà*. Khát vọng hài hòa // Báo Văn nghệ. 1981. 14 Tháng 10. Tr. 5. (*Нгуен Хай Ха*. Стремление к гармонии // Ван Нге. 1981. 14 окт. С. 5.)

18. *Nguyễn Hữu Hiệu*. Hồi ký về chốn địa ngục trần gian // Tư tưởng. 1969. N 2. Tr. 3–84. (*Нгуен Хью Хьеу*. Воспоминание об аде на земле // Мысль. 1969. № 2. С. 3–84.)

19. *Nguyễn Hữu Hiệu*. Dostoievski // Dostoievski F.M. Anh em nhà Karamazov. Sài Gòn, 1972. Tr. VII–IX, XIII–CLXV. (*Нгуен Хью Хьеу*. Достоевский // Достоевский Ф. М. Братья Карамазовы. Сайгон, 1972. С. VII–IX, XIII–CLXV.)

20. *Nguyễn Hữu Hiệu*. Lời giới thiệu // Dostoievski F.M. Tội ác và hình phạt. Sài Gòn, 1973. Tr. I–XLXI. (*Нгуен Хью Хьеу*. Предисловие // Достоевский Ф. М. Преступление и наказание. Сайгон, 1973. С. I–XLXI.)

21. *Nguyễn Hữu Hiệu*. Dostoievski và thế giới // Dostoievski F.M. Đầu xanh tuổi trẻ. Sài Gòn, 1974. Tr. 796–807. (*Нгуен Хью Хьеу*. Достоевский и мир // Достоевский Ф. М. Подросток. Сайгон, 1974. С. 796–807.)

22. *Phạm Mạnh Hùng*. Lời giới thiệu // Dostoievski F.M. Những đêm trắng. Hà Nội, 1987. Tr. 7–12. (*Фам Мань Хунг*. Предисловие // Достоевский Ф. М. Белые ночи. Ханой, 1987. С. 7–12.)

23. *Phạm Mạnh Hùng*. Lời giới thiệu // Dostoievski F. M. Anh em nhà Karamazov. Hà Nội, 1988. Tr. 5–20. (*Фам Мань Хунг*. Предисловие // Достоевский Ф. М. Братья Карамазовы. Ханой, 1988. С. 5–20.)

24. *Vũ Tuấn Hoàng*. Những người phụ nữ trong cuộc đời Dostoievski // Talawas. 2005. 2/7. (*Bu Tuan Hoang*. Женщины в жизни Достоевского // Talawas. 2005. 2 июля.)

25. *Hoàng Thiệu Khang*. Dostoievski // Kỷ yếu Khoa học Ngữ văn ĐHSP Tr. HCM. Tr. Hồ Chí Minh, 1981. Tr. 38–50. (*Хоанг Тхьеу Ханг*. Достоевский // Сборник о Достоевском. Хо Ши Мин, 1981. С. 38–50.)

26. *Hoàng Thiệu Khang*. Cảm nhận và suy tưởng. Hà Nội, 1994. (*Хоанг Тхьеу Ханг*. Чувствование и мышление. Ханой, 1994.)

27. *Nguyễn Phương Kiệt*. Dostoevsky trong thế giới hiện đại // Talawas. 2008. 8 Tháng 3. (*Hуен Фыонг Кьет*. Достоевский в современном мире // Talawas. 2008. 8 марта.)

28. *Phạm Ngọc Lan*. Truyền thuyết về Đại pháp quan: Khi chân lí đối thoại với biểu đạt // Nghiên cứu văn học. 2010. N 5. Tr. 84–93. (*Фам Нгок Lan*. Сказание о Великом инквизиторе: диалог истины и выражения // Литературоведение. 2010. №5. С. 84–93.)

29. *Nguyễn Hiến Lê*. Dostoievski — một kẻ suốt đời chịu khổ để viết // Sài Gòn: Bách khoa. 1960. N 82. Tr. 41–49; N 83. Tr. 31–41. (*Нуен Хьен Lê*. Достоевский — всю жизнь страдающий ради писательства // Сайгон: Бачь Хоа. 1960. №82. С. 41–49; №83. С. 31–41.)

30. *Nhất Linh*. Viết và đọc tiểu thuyết. Sài Gòn, 1972. (*Ньят Линь*. Создание и чтение романа. Сайгон, 1972.)

31. *Nguyễn Ngọc Minh*. «Lũ người quỉ ám» dưới con mắt người Việt Nam // Dostoievski F. M. Lũ người quỉ ám. Sài Gòn, 1972. Tr. VII–XI. (*Hуен Нгок Минь*. «Бесы» с точки зрения вьетнамцев // Достоевский Ф. М. Бесы. Сайгон, 1972. С. VII–XI.)

32. *Trần Thị Quỳnh Nga*. Tiếp nhận văn xuôi Nga thế kỷ XIX ở Việt Nam. TP Hồ Chí Minh: Nxb Giáo dục, 2010. (*Чан Тхи Куинь Нга*. Рецепция русской прозы XIX в. во Вьетнаме. Хо Ши Мин: Просвещение, 2010.)

33. *Lê Tôn Nghiêm*. Cộng sản Nga dưới con mắt một người Nga // Tư tưởng. 1972. N 5. Tr. 10–15. (*Lê Tôn Нгьем*. Русский коммунизм с точки зрения русского человека // Мысль. 1972. №5. С. 10–15.)

34. *Anh Ngọc*. Thêm một tác phẩm của Dostoievski được dịch sang tiếng Việt // Dostoievski F. M. Những kẻ tù nhục. Huế, 1987. Tr. 5–12. (*Ань Нгок*. Еще одно произведение Достоевского переведено на вьетнамский язык // Достоевский Ф. М. Униженные и оскорбленные. Хюэ, 1987. С. 5–12.)

35. *Vương Trí Nhàn*. Một hồ sơ nhỏ về Dostoievski // Tạp chí Văn học nước ngoài. 1996. N 6. Tr. 214–223. (*Выонг Тъи Ньян*. Маленькое досье на Достоевского // Иностранная литература. 1996. №6. С. 214–223.)

36. *Hoàng Nhân*. Nhận định lại tác phẩm «Tội ác và hình phạt» // Kỷ yếu Khoa học Ngữ văn ĐHSP Tr. HCM, 1981. Tr. 12–20. (*Хоанг Ньян*.

Переосмысление произведения «Преступление и наказание» // Сборник о Достоевском. Хо Ши Мин, 1981. С. 12–20.)

37. *Đỗ Hải Phong*. Vấn đề người kể chuyện Chroniker trong sáng tác của F. M. Dostoievski: Luận án TS Ngữ văn. Volgograd, 1996. (*Đo Hải Phong*. Проблема Хроникера в творчестве Ф. М. Достоевского: Дис. ... канд. филол. наук. Волгоград, 1996.)

38. *Đỗ Hải Phong*. Bàn lại về vấn đề Dostoievski và tư tưởng cách mạng dân chủ Nga những năm 1870 qua tác phẩm «Lữ người quỉ ám» // Kỷ yếu Hội thảo khoa học kỷ niệm 80 năm Cách mạng Tháng 10 Nga. Hà Nội, 1997. Tr. 133–141. (*Đo Hải Phong*. Переосмысление проблемы Достоевского и революционно-демократической мысли 1870-х гг. в «Бесах» // Сборник к 80-й годовщине Русской Октябрьской революции. Ханой, 1997. С. 133–141.)

39. *Đỗ Hải Phong*. F. M. Dostoievski // Văn học Nga. Hà Nội, 2002. Tr. 44–67. (*Đo Hải Phong*. Ф. М. Достоевский // Русская литература. Ханой, 1999. С. 44–67.)

40. *Đỗ Hải Phong*. Nguyên tắc trần thế hoá nhân vật lý tưởng trong «Don Quijote» của M. Cervantes và «Thằng ngậy» của Dostoievski // Tạp chí khoa học ĐHSP Hà Nội. 2005. N 5. Tr. 3–10. (*Đo Hải Phong*. Принцип приземления идеального героя: «Дон Кихот» М. Сервантеса и «Идиот» Достоевского // Научный журнал Ханойского педагогического университета. 2005. № 5. С. 3–10.)

41. *Đỗ Hải Phong*. Tác gia tác phẩm văn học nước ngoài trong nhà trường: F. M. Dostoievski. Hà Nội, 2006. (*Đo Hải Phong*. Зарубежные писатели в школе: Ф. М. Достоевский. Ханой, 2006.)

42. *Đỗ Hải Phong*. F. M. Dostoievski // Đỗ Hải Phong. Giáo trình Văn học Nga. Hà Nội, Nxb Giáo dục, 2011. Tr. 55–99. (*Đo Hải Phong*. Ф. М. Достоевский // До Хай Фонг. Русская литература: Пособие. Ханой: Провещение, 2011. С. 55–99.)

43. *Võ Phiến*. Chúng ta, qua cách viết. Sài Gòn, 1972. (*Во Фьен*. Мы, по манере письма. Сайгон, 1972.)

44. *Phạm Thị Phương*. Dostoievski và trường phái Puskin // Kỷ yếu Khoa học Khoa Ngữ văn, Trường ĐHSP Tr. HCM. Tr. Hồ Chí Minh, 1993. Tr. 110–118. (*Фам Тхи Фьонг*. Достоевский и школа Пушкина // Сборник науч. ст. филологического факультета Пед. университета г. Хо Ши Мина. Хо Ши Мин, 1993. С. 110–118.)

45. *Phạm Thị Phương*. Những cơ sở cho việc tiếp nhận Dostoievski ở miền Nam Việt Nam trước 1975 // Kỷ yếu Khoa học Khoa Ngữ Văn, Trường ĐHSP Tr. HCM. Tr. Hồ Chí Minh, 1996. Tr. 211–218. (*Фам Тхи Фьонг*. Условия рецепции Достоевского в Южном Вьетнаме до 1975 года // Сборник науч. ст. филологического факультета Пед. университета г. Хо Ши Мина. Хо Ши Мин, 1996. С. 211–218.)

46. *Phạm Thị Phương*. Những tiếp xúc đầu tiên với Dostoievski với độc giả Sài Gòn // Kỷ yếu Khoa học Khoa Ngữ văn Trường ĐHSP Tr. HCM. Tr. Hồ Chí Minh, 1999. Tr. 155–158. (*Фам Тхи Фьонг*. Первые контакты Достоевского с читателями Сайгона // Сборник науч. ст.

филологического факультета Пед. университета г. Хо Ши Мина. Хо Ши Мин, 1999. С. 155–158.)

47. *Phạm Thị Phương*. Hành trình tuyển mộ độc giả của Dostoievski // Văn học. 2000. N 10. Tr. 66–75. (*Фам Тхи Фьонг*. Путь Достоевского к сердцам читателей // Литературоведение. 2000. №10. С. 66–75.)

48. *Phạm Thị Phương*. Dostoievski và văn học Nga // Văn hoá nghệ thuật. 2001. N 12. Tr. 65–69. (*Фам Тхи Фьонг*. Достоевский и русская литература // Художественная культура. 2001. №12. С. 65–69.)

49. *Phạm Thị Phương*. Sự thất thoát nhịp điệu thường thấy khi dịch văn Dostoievski // Văn học nước ngoài. 2001. N 6. Tr. 189–198. (*Фам Тхи Фьонг*. Обычные потери ритма в переводах прозы Достоевского // Иностранная литература. 2001. №6. С. 189–198.)

50. *Phạm Thị Phương*. Vấn đề tiếp nhận Dostoievski tại Việt Nam: Luận án TS Ngữ văn. Tr. Hồ Chí Minh, 2002. (*Фам Тхи Фьонг*. Проблема рецепции Достоевского во Вьетнаме: Канд. дис. Хо Ши Мин, 2002.)

51. *Phạm Thị Phương*. Việc dịch đại từ trong tác phẩm của Dostoievski // Ngữ học trẻ 2004. Diễn đàn học tập và nghiên cứu. Viện Ngôn ngữ học Việt Nam, Hà Nội, 2005. Tr. 211–217. (*Фам Тхи Фьонг*. Перевод местоимений в произведениях Достоевского // Юные языковеды — 2004. Форум учебы и исследования / Институт языкознания Вьетнама. Ханой, 2005. С. 211–217.)

52. *Phạm Thị Phương*. Ảnh hưởng của Dostoievski tại Việt Nam trước 1945 // Nghiên cứu văn học. 2010. N 4. Tr. 76–89. (*Фам Тхи Фьонг*. Влияние Достоевского во Вьетнаме до 1945 г. // Литературоведение. 2010. №4. С. 76–89.)

53. *Phạm Thị Phương, Phạm Quỳnh Thơ*. Việc dịch nhan đề tác phẩm Dostoievski sang tiếng Việt // Nghiên cứu văn học. 2010. N 5. Tr. 94–106. (*Фам Тхи Фьонг, Фам Куинь Тхо*. Проблема перевода названий произведений Достоевского на вьетнамский язык // Литературоведение. 2010. №5. С. 94–106.)

54. *Phạm Thị Phương*. Huyền tích Kinh thánh trong Truyền thuyết về Đại pháp quan // Tạp chí khoa học Đại học Sài Gòn. Tr. Hồ Chí Minh, 2010. Tr. 89–94. (*Фам Тхи Фьонг*. Библейские мотивы в Сказании о Великом инквизиторе // Научный журнал Сайгонского университета. Хо Ши Мин, 2010. С. 89–94.)

55. *Phạm Thị Phương*. Văn học Nga tại đô thị miền Nam 1954–1975. Tr. Hồ Chí Minh, 2010. (*Фам Тхи Фьонг*. Русская литература в городах Южного Вьетнама 1954–1975. Хо Ши Мин, 2010.)

56. *Phạm Thị Phương*. F.M. Dostoievski // Phạm Thị Phương. Giáo trình Lịch sử văn học Nga thế kỉ XIX. NXB ĐHSP Tr. HCM. Tr. Hồ Chí Minh, 2010. Tr. 175–225. (*Фам Тхи Фьонг*. Ф. М. Достоевский // Фам Тхи Фьонг. Русская литература XIX века: Пособие. Хо Ши Мин, 2010. С. 175–225.)

57. *Trần Thị Phương Phương*. Dostoevsky với văn học thế giới // Bình luận văn học. Niên giám của Hội nghiên cứu và giảng dạy văn học Tr. HCM. Tr. Hồ Chí Minh, 1998. Tr. 76–89 (*Чан Тхи Фьонг Фьонг*. Достоевский

и мировая литература // Литературные рассуждения. Ежегодный сборник Общества исследователей–учителей–филологов г. Хо Ши Мина. Хо Ши Мин, 1998. С. 76–89.)

58. *Trần Thị Phương Phương*. Chủ nghĩa hiện thực ở nghĩa cao nhất (Tiểu thuyết «Tội ác và trừng phạt») // Trần Thị Phương Phương. Tiểu thuyết hiện thực Nga thế kỷ XIX. Tp. Hồ Chí Minh, 2006, Tr. 125–149. (*Чан Тхи Фьонг Фьонг*. «Реализм в высшем смысле» (Роман «Преступление и наказание») // Чан Тхи Фьонг Фьонг. Русский реалистический роман XIX века. Хо Ши Мин, 2006. С. 125–149.)

59. Trần Thị Phương Phương. «Người thất chí» của Hồ Biểu Chánh — một hiện tượng phóng tác, nhìn từ quan điểm loại hình lịch sử // Nghiên cứu văn học. 2011. N 5. Tr. 110–130. (*Чан Тхи Фьонг Фьонг*. Историко-типологический подход к «Отчаянному человеку» Хо Бьеу Чань как переложению романа Достоевского // Литературоведение. 2011. № 5. С. 110–130.)

60. *Lê Sơn*. Góc tiếp nhận Dostoevski trên bình diện so sánh // Văn học so sánh — lí luận và ứng dụng. Hà Nội, 2001. Tr. 110–125. (*Лэ Шон*. Сравнительный подход к рецепции Достоевского // Компаративизм в литературоведении — теория и практика. Ханой, 2001. С. 110–125.)

61. *Lê Sơn (chủ biên, tuyển dịch)*. Sáng tác của Dostoevski — những tiếp cận từ nhiều phía. Thông tin khoa học xã hội. Hà Nội, 2000. (*Лэ Шон (отв. ред.)*. Вестник гуманитарных наук. Разносторонние подходы к творчеству Достоевского. Ханой, 2000.)

62. *Trần Đình Sử*. M. Bakhtin và thi pháp của Dostoevski // Trần Đình Sử. Lí luận và phê bình văn học. Hà Nội, 1996. Tr. 267–275. (*Чан Динь Цы*. M. Бахтин и поэтика Достоевского // Чан Динь Цы. Литературная теория и критика. Ханой, 1996. С. 267–275.)

63. *Nguyễn Tuấn*. Đốt-xtôi // Tuyển tập Nguyễn Tuấn. Hà Nội, 1982. Tập 2. Tr. 396–409. (*Нгуен Туан*. Дос-той // Нгуен Туан. Избр. соч. Ханой, 1982. Т. 2. С. 396–409.)

64. *Bùi Bình Thi*. Thăm nhà cụ Dostoevski // Văn học nước ngoài. 2001. N 6. Tr. 233–236. (*Буй Бинь Тхи*. Посещение дома Достоевского // Иностранная литература. 2001. № 6. С. 233–236.)

65. *Lê Ngọc Trà*. Dostoevski trong cuộc đấu tranh tư tưởng hiện nay // Kỷ yếu Khoa học Ngữ văn ĐHSP Tp. HCM, 1981. Tr. 21–29. (*Лэ Нгок Ча*. Достоевский в теперешней идеологической борьбе // Сборник о Достоевском. Хо Ши Мин, 1981. С. 21–29.)

66. *Lê Ngọc Trà*. «Cái đẹp sẽ cứu thế giới» // Kiến thức ngày nay. 1999. N 1. Tr. 50–52. (*Лэ Нгок Ча*. «Красота спасет мир» // Знание сегодня. 1999. № 1. С. 50–52.)

67. *Hoàng Trinh*. Thi pháp Dostoevski dưới con mắt Bakhtin // Văn học. 1991. N 6. Tr. 11–16. (*Хоанг Чинь*. Поэтика Достоевского с точки зрения Бахтина // Литературоведение. 1991. № 6. С. 11–16.)

68. *Nguyễn Quốc Trụ*. Đọc «Hồi ký viết dưới nhà hầm» // Văn. Sài Gòn, 1967. N 1. Tr. 120–125. (*Нгуен Куок Чу*. Читая «Записки из подполья» // Ван. Сайгон, 1967. № 1. С. 120–125.)

69. *Nguyễn Thị Vương*. Nhân vật tự thú trong «Bút kí dưới hầm» của F. M. Dostoevski // Nghiên cứu Văn học. 2008. N 3. Tr. 73–79. (*Нгуен Тху Вьонг*. Исповедальный герой в «Записках из подполья» Достоевского // Литературоведение. 2008. №3. С. 73–79.)

Переводы

1. *Dostoevski F.M.* Những kẻ đáng thương / Phạm Vũ dịch. Sài Gòn, 1974. (Бедные люди / пер. Фам Бу.)

2. *Dostoevski F.M.* Những người cơ cực / Đức Mẫn dịch // Dostoevski F.M. Truyện ngắn — Truyện vừa. Hà Nội, 2006. Tr. 132–354. (Бедные люди / пер. Дык Мана.)

3. *Dostoevski F.M.* Là bóng hay là hình / Đinh Đắc Phúc dịch. Sài Gòn, 1972. (Двойник / пер. Динь Дак Фука.)

4. *Dostoevski F.M.* Những đêm trắng / Phạm Mạnh Hùng dịch // Dostoevski F.M. Những đêm trắng. Hà Nội, 1987. Tr. 5–85. (Белые ночи / пер. Фам Мань Хунга.)

5. *Dostoevski F.M.* Đêm trắng / Đoàn Tử Huyền dịch. Hà Nội, 2000. (Белые ночи / пер. Доан Ты Хуена.)

6. *Dostoevski F.M.* Trong tù / Trương Đình Cử dịch trích đoạn «*Bút ký từ Ngõ nhà chết*» // Giai phẩm Văn. 1972. 15 Tháng 11. Tr. 40–43. (Записки из Мертвого дома; отрывок «В тюрьме» / пер. Чьонг Динь Кы. С. 40–43.)

7. *Dostoevski F.M.* Ông G-bov với vấn đề nghệ thuật / Phạm Vĩnh Cư dịch // Văn học nước ngoài. 2001. N 6. Tr. 71–105. (Г-н — бов и вопрос об искусстве / пер. Фам Винь Кы.)

8. *Dostoevski F.M.* Bút ký viết dưới hầm / Thạch Chương dịch. Sài Gòn, 1963. (Записки из подполья / пер. Тхач Чьонга.)

9. *Dostoevski F.M.* Hồi ký viết dưới hầm / Thạch Chương dịch. Sài Gòn, 1966. (Записки из подполья / пер. Тхач Чьонга.)

10. *Dostoevski F.M.* Bút ký dưới hầm / Thạch Chương dịch từ tiếng Pháp, Thái Hà hiệu đính theo bản tiếng Nga // Văn học nước ngoài. 1998. N 1. Tr. 5–105. (Записки из подполья / пер. с фр. Тхач Чьонга; под ред. Тхай Ха. С. 5–105.)

11. *Dostoevski F.M.* Những kẻ tủi nhục / Anh Ngọc dịch. Huế, 1987. (Униженные и оскорбленные / пер. Ань Нгока.)

12. *Dostoevski F.M.* Con bạc / Trương Đình Cử dịch. Sài Gòn, 1964. (Игрок / пер. Чьонг Динь Кы.)

13. *Dostoevski F.M.* Tội ác và hình phạt / Trương Đình Cử dịch. Sài Gòn, 1965. (Преступление и наказание / пер. Чьонг Динь Кы.)

14. *Dostoevski F.M.* Tội ác và hình phạt / Trương Đình Cử dịch. Sài Gòn, 1972. (Преступление и наказание / пер. Чьонг Динь Кы.)

15. *Dostoevski F.M.* Tội ác và hình phạt / Lý Quốc Sinh dịch. Sài Gòn, 1973. (Преступление и наказание / пер. Ли Куок Синь.)

16. *Dostoevski F.M.* Tội ác và trừng phạt / Cao Xuân Hạo và Cao Xuân Phổ dịch. Hà Nội, 1982. (Преступление и наказание / пер. Као Суан Хао и Као Суан Фо.)

17. *Dostoevski F.M.* Tội ác và hình phạt / Cao Xuân Hạo và Cao Xuân Phổ dịch. Hà Nội, 2010. (Преступление и наказание / пер. Као Суан Хао и Као Суан Фо.)

18. *Dostoevski F.M.* Cũng một kiếp người / Nguyễn dịch // Văn hóa ngày nay. Sài Gòn, 1959. Tr. 75–80. (Идиот; отрывок «И это тоже человеческая судьба» / пер. Нгуена. С. 75–80.)

19. *Dostoevski F.M.* Gã khờ / Phạm Xuân Thảo dịch. Sài Gòn, 1973. (Идиот / пер. Фам Суан Тхао.)

20. *Dostoevski F.M.* Gã khờ / Phạm Xuân Thảo dịch từ bản tiếng Pháp, Đoàn Tử Huyền hiệu đính từ bản tiếng Nga. Hà Nội, 2000. (Идиот / пер. с фр. Фам Суан Тхао; под ред. Доан Ты Хуена.)

21. *Dostoevski F.M.* Cần có một ông trời / Lan Khai dịch // Tao Đàn. 1939. N 3. 1 Tháng 4. Tr. 4. (Бесы; отрывок под названием «Бог нужен» / пер. Лан Хая.)

22. *Dostoevski F.M.* Lũ người quỷ ám / Nguyễn Ngọc Minh dịch. Sài Gòn, 1972. (Бесы / пер. Нген Нгок Минь.)

23. *Dostoevski F.M.* Lũ người quỷ ám / Nguyễn Ngọc Minh dịch từ bản tiếng Pháp và tiếng Anh, Đoàn Tử Huyền hiệu đính từ bản tiếng Nga. Hà Nội, 2000. (Бесы / пер. с фр. и англ. Нген Нгок Минь; под ред. Доан Ты Хуена.)

24. *Dostoevski F.M.* Đầu xanh tuổi trẻ / Vũ Trinh dịch. Sài Gòn, 1974. (Подросток / пер. Ву Чинь.)

25. *Dostoevski F.M.* Chàng thiếu niên / Lê Khánh Trường dịch. TP. Hồ Chí Minh, 2006. (Подросток / пер. Лэ Хань Чьюнга.)

26. *Dostoevski F.M.* Người chồng muôn thuở / Đỗ Kim Bảng dịch. Sài Gòn, 1969. (Вечный муж / пер. До Ким Банга.)

27. *Dostoevski F.M.* Cây giáng sinh thượng giới / Nguyễn dịch // Bách khoa. 1959. N 72. Tr. 69. (Мальчик у Христа на елке / пер. Нгуена.)

28. *Dostoevski F.M.* Chú bé bên cây thông Đức Chúa / Đức Mẫn dịch // Báo Văn Nghệ. 1981. 4 Tháng 4. Tr. 5, 8. (Мальчик у Христа на елке / пер. Дык Мана.)

29. *Dostoevski F.M.* Chú bé hài đồng bên cây thông Đức Chúa / Đức Mẫn dịch // Văn học nước ngoài. 2001. N 6. Tr. 5–9. (Мальчик у Христа на елке / пер. Дык Мана.)

30. *Dostoevski F.M.* Giấc mơ của kẻ nực cười / Đức Mẫn dịch // Văn học nước ngoài. 2001. N 6. Tr. 51–70. (Сон смешного человека / пер. Дык Мана.)

31. *Dostoevski F.M.* Lão nông Marei / Đức Mẫn dịch // Dostoevski F.M. Truyện ngắn — Truyện vừa. Hà Nội, 2006. Tr. 122–131. (Мужик Марей / пер. Дык Мана.)

32. *Dostoevski F.M.* Cô gái nhu mì / Phạm Mạnh Hùng dịch // Dostoevski F.M. Những đêm trắng. Hà Nội, 1987. Tr. 87–147. (Кроткая / пер. Фам Мань Хунга.)

33. *Dostoevski F.M.* Người đàn bà nhẫn nhịn / Đức Mẫn dịch // Văn học nước ngoài. 2001. N 6. Tr. 9–50. (Кроткая / пер. Дык Мана.)
34. *Dostoevski F.M.* Anh em nhà Karamazov / Trương Đình Cử dịch. Sài Gòn, 1972. (Братья Карамазовы / пер. Чыонг Динь Кы.)
35. *Dostoevski F.M.* Anh em nhà Karamazov / Vũ Đình Lưu dịch. Sài Gòn, 1972. (Братья Карамазовы / пер. Ву Динь Лыу.)
36. *Dostoevski F.M.* Anh em nhà Karamazov / Phạm Mạnh Hùng dịch. Hà Nội, 1988. (Братья Карамазовы / пер. Фам Мань Хунга.)
37. *Dostoevski F.M.* Anh em nhà Karamazov / Phạm Mạnh Hùng dịch. Hà Nội, 2000. (Братья Карамазовы / пер. Фам Мань Хунга.)